

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2022/DS-PT

Ngày 31 - 8 -2022

*“V/v tranh chấp về quyền sử
dụng đất, chia thừa kế
quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tăng

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022, về việc *“Tranh chấp về quyền sử dụng đất, chia thừa kế quyền sử dụng đất”*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 235/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Phạm Hoàng Đ- Công ty Luật hợp danh Anh e- Chi nhánh Đồng Tháp thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

2.2 Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông L2: Anh Triệu Trọng Đ1, sinh năm

1989. Là người đại diện theo ủy quyền, Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2022.

Địa chỉ: Số , đường Nguyễn Thị Minh K, Phường , thành phố Cao L, tỉnh Đồng Tháp.

2.3 Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1990;

3.2 Anh Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1987;

3.3 Anh Nguyễn Thanh H3, sinh năm 1982;

3.4 Chị Nguyễn Thị Mộng Ng, sinh năm 1986;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh H3 và chị Nguyễn Thị Mộng Ng: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962.

Cùng địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.5 Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1962;

3.6 Chị Nguyễn Thị Đ3, sinh năm 1990;

3.7 Chị Nguyễn Ngọc L3, sinh năm 1989;

3.8 Chị Nguyễn Thị Mỹ H4, sinh năm 1992;

3.9 Anh Nguyễn Trọng H5, sinh năm 1996;

Cùng địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.10 Chị Bùi Thị H5, sinh năm 1970;

3.11 Chị Nguyễn Thị Cẩm Th1, sinh năm 1997;

3.12 Chị Nguyễn Thị Diễm A, sinh ngày 12/4/2001;

3.13 Cụ Tô Thị H6, sinh năm 1929 (Chết);

Cùng địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Tô Thị H6:

3.13.1 Bà Nguyễn Thị Nh3, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số , ấp An Th, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.13.2 Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.13.3 Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.13.4 Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.13.5 Nguyễn Văn M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số , ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.13.6 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số , ấp An Qu, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.14 Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1970;

3.15 Anh Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1989;

3.16 Chị Nguyễn Thị Th2, sinh năm 1992;

3.17 Chị Phạm Thị Bích X, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Số ấp An P, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.18 Bà Nguyễn Thị Nh3, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số ấp An Th, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.19 Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số ấp An Qu, xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

3.20 Ủy ban nhân dân huyện Lấp V.

Địa chỉ: Khóm Bình Th 1, thị trấn Lấp V, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lấp V.

* **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn L2 là bị đơn và bà Nguyễn Thị Nh3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

Bà H, anh Đ, ông L1, ông M, ông L, bà Nh3, bà M, bà H3, chị Diễm A có mặt tại phiên tòa. Các đương sự còn lại vắng mặt, Ủy ban nhân dân huyện Lấp V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Nguyễn Thanh H trình bày:

Cụ Nguyễn Văn D6 (đã chết năm 2007) và cụ Tô Thị H6, sinh năm 1929 (chết năm 2020) là cha, mẹ của bà H. Cụ D6 và cụ H6 chung sống với nhau có 06 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Nh3, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn M. Cụ D6 và cụ H6 chết không để lại di chúc.

Cụ D6 và cụ H6 có tạo lập được các tài sản sau:

- Thừa đất 301a, tờ bản đồ số 7a (diện tích đo đạc thực tế là 603,2m²).
- Thừa 301b, tờ bản đồ 7a + thửa 993b, tờ bản đồ số 7 (diện tích đo đạc thực tế là 1.712m²).
- Thửa 992, tờ bản đồ số 7 (diện tích đo đạc thực tế là 5.737,5m²).
- Thửa 975c (diện tích đo đạc thực tế là 5.203m²) hiện ông Lực đang quản lý sử dụng.
- Thửa đất 974b, tờ bản đồ số 7, đo đạc thực tế là 9.341,1m².
- 01 căn nhà trên thửa đất 301a (hiện ông Lượng, vợ con ông Lượng đang sinh sống).

Hiện ông L1 đang quản lý, sử dụng một phần thửa 301a , thửa 301b, 993b, 992 và một phần thửa 974b. Bà H đang sử dụng một phần thửa 301a và một phần thửa 974b.

Thửa đất 301a, 992, thửa 974b cụ D6 được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất ngày 17/10/1992. Đối với thửa đất 301b, 993b theo xác nhận của chính quyền địa phương thì hai thửa đất này không có trong sổ mục kê, nhưng có trên bản đồ 299. Thửa 975c theo sổ mục kê thì cụ D6 đứng tên, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà không đăng ký quyền sở hữu. Đất, nhà tọa lạc tại xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Cả 06 thửa đất 301a, 301b, 993b, 992, 975c, 974b cùng căn nhà có trên thửa đất 301a là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn D6 và cụ Tô Thị H6.

Bà Hồng yêu cầu được nhận hiện vật là diện tích 165,9m² đất thổ thuộc thửa 301a (ngay vị trí căn nhà bà H đang ở). Trường hợp bà H nhận đất có giá trị nhiều hơn giá trị phần di sản mà bà H được hưởng thì bà H sẽ hoàn trả giá trị chênh lệch cho những người thừa kế còn lại của cụ D6, cụ H6. Trường hợp đất bà H nhận có giá trị ít hơn phần bà H được hưởng thì bà H yêu cầu các hàng thừa kế còn lại trả giá trị chênh lệch cho bà H.

Bà H thừa nhận khoảng năm 1997, cụ D có cho bà H sử dụng phần đất hơn 02 công rưỡi tầm 3m (đo đạc thực tế 3.207,2m²) thuộc một phần của thửa đất 974b, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã Mỹ An H, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp do cụ D6 đứng tên quyền sử dụng đất.

Bà Hồng thống nhất thửa đất 974b, tờ bản đồ số 7 là tài sản chung của cụ D6 và cụ H6, bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 974b, tờ bản đồ số 7 làm 06 phần bằng nhau cho: bà H, bà M, ông L, ông L1, ông M, bà Nh3. Bà H yêu cầu tiếp tục sử dụng diện tích đất mà bà H đang sử dụng.

Đối với thửa đất 974a thì bà H thống nhất không yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này.

Đối với Tờ di chúc ngày 18/3/2008 thì bà H không đồng ý vì đây là di chúc không có hiệu lực.

Về di sản của cụ D6, cụ H6 thì bà H yêu cầu chia làm 06 phần bằng nhau cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ D6, cụ H6 là 06 người con của cụ D6, cụ H6 là bà Nh3, bà M, bà H, ông L1, ông L và ông M. Mỗi phần di sản mà mỗi người được hưởng là những phần bằng nhau đối với khối di sản của cụ

D6 và cụ H6 để lại. Đối với căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 301a theo kết quả định giá đã hết giá trị sử dụng nên bà H không yêu cầu.

Nay bà H yêu cầu chia hưởng diện tích 3.207,2m² và diện tích 47,1m² thuộc một phần thửa 974b và diện tích đất 165,9m² (trong đó có 100 m² đất thổ) thuộc một phần thửa 301a hiện do ông Nguyễn Văn D6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

Bà H không đồng ý với yêu cầu của bà Nhì về việc yêu cầu bà H trả lại diện tích 3.207,2m² thuộc một phần thửa 974b.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị M trình bày:

Ông M, ông L1, ông L, bà M thống nhất với lời trình bày của bà H về mối quan hệ gia đình gồm cha, mẹ và hàng thừa kế.

Năm 2007, cụ Nguyễn Văn D6 chết không để lại di chúc, cụ H6 chết ngày 10 tháng 4/2020 có để lại di chúc; ông Lực, ông Lượng, ông Minh, bà Mai thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của cụ D6, cụ H6 gồm có 06 người gồm bà Nguyễn Thị Nh3, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn M. Ngoài những người con này thì cụ Tô Thị H6 và cụ Nguyễn Văn D6 không còn người con nào, kể cả con riêng.

Ông M, ông L1, ông L, bà M thống nhất là khi cụ D6, cụ H6 còn sống thì có tạo lập được các tài sản như sau:

- Thửa đất 301a, tờ bản đồ số 7a (diện tích đo đạc thực tế là 603,2m²).
 - Thửa 301b, tờ bản đồ 7a và thửa 993b, tờ bản đồ số 7 (diện tích đo đạc thực tế là 1.712m²).
 - Thửa 992, tờ bản đồ số 7 (diện tích đo đạc thực tế là 5.737,5m²)
- Hiện ông Lượng đang quản lý, sử dụng thửa 301a, 301b, 993b và 992.
- Thửa 975c (diện tích đo đạc thực tế là 5.203m²) hiện ông Lực đang quản lý sử dụng để trồng lúa.
 - 01 căn nhà trên thửa đất 301a (hiện ông Lượng, vợ con ông Lượng đang sinh sống).
 - Thửa đất 974b, tờ bản đồ số 7, đo đạc thực tế là 9.341,1m² hiện bà Hồng đang sử dụng 3.207,2m², ông Minh đang sử dụng 6.133,9m²

Thửa đất 301a, 992, 974b cụ D6 được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất ngày 17/10/1992. Đối với thửa đất 301b, 993b theo xác nhận của chính quyền địa phương thì hai thửa đất này không có trong sổ mục kê, nhưng có trên bản đồ 299. Thửa 975c theo sổ mục kê thì cụ D6 đứng tên, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn nhà không đăng ký quyền sở hữu. Đất, nhà tọa lạc tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Cả 05 thửa đất 301a, 301b, 993b, 992, 975c, cùng căn nhà có trên thửa đất 301a là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn D6 và cụ Tô Thị H6.

Đối với di sản được thể hiện trong di chúc ngày 18/3/2008 là diện tích 1.500m², đất cây lâu năm, và 300m² đất thổ thuộc thửa 301a và diện tích 6.000m² đất lúa thuộc thửa 992 và căn nhà cấp 4 trên thửa đất 301a thì ông M, ông L, bà M thống nhất để lại cho ông L1 được sử dụng theo di chúc của cụ H.

Nay ông M, ông L1, ông L, bà M đồng ý chia thừa kế tài sản theo pháp luật (trừ bà Nh3) đối với các di sản của cụ D6 để lại là thửa 301b, 993b, 975c, 974b. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất tranh chấp do cụ D6 đứng tên hiện ông L1 đang giữ. Lý do ông L, ông L, ông M, bà M không đồng ý chia thừa kế cho bà Nh3 vì vào năm 2003 cụ D6 đã bán diện tích 3.825m² cho bà Đặng Thị Ngọc Th4 để trả nợ cho bà Nh3.

Ngoài ra tài sản chung của cụ D6 và cụ H6 còn có thửa đất 974a, tờ bản đồ số 7, diện tích đất 800m² đất lúa nhưng không yêu cầu chia đối với thửa đất này.

Ông M đã sử dụng 6.133,9m² thuộc một phần của thửa đất 974b từ năm 1990 đến nay và phần còn lại thì bà H cũng sử dụng từ năm 1990 đến nay. Lý do được sử dụng đất là vì ông M và bà H được cụ D6 cho nhưng chỉ nói miệng chứ không làm giấy tờ. Về nguồn gốc đất thì không rõ, chỉ biết trước năm 1990 thì cụ D6 và cụ H6 sử dụng đất, đến năm 1990 mới cho ông M, bà H sử dụng. Tuy nhiên khoảng năm 1980 đến 1984 bà Nh3 có canh tác đất khoảng 02 năm thì trả lại cho cụ D6, cụ D6 canh tác đất đến năm 1990 thì cụ D6 cho đất lại ông M, bà H.

Về di sản còn lại ngoài di chúc của cụ D6, cụ H6 thì ông M, ông L1, ông L, bà M thống nhất chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ D mỗi người được hưởng một phần năm di sản của cụ D6, cụ thể:

- Bà M yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 974b, 301b, 993b, 992, 975c, yêu cầu nhận giá trị, ai được sử dụng đất thì trả giá trị cho bà M tương đương với phần bà M được hưởng.

- Ông L1 yêu cầu chia hưởng thừa kế theo di chúc đối với thửa 301a, 301b, 933b; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 974b, 975c thành 05 phần bằng nhau (không có bà Nh3).

- Ông L yêu cầu chia hưởng và tiếp tục sử dụng toàn bộ thửa 975c nếu diện tích ông L đang sử dụng nhiều hơn phần hưởng theo pháp luật mà ông L được hưởng thì ông L yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất, đồng ý trả giá trị chênh lệch cho hàng thừa kế khác.

- Ông M yêu cầu chia hưởng và tiếp tục sử dụng diện tích 6.133,9m² thuộc một phần thửa 974b nếu diện tích ông M đang sử dụng nhiều hơn phần hưởng theo pháp luật mà ông M được hưởng thì ông M yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất, đồng ý trả giá trị chênh lệch cho hàng thừa kế khác. Đối với yêu cầu của bà Nh3 về việc yêu cầu trả lại thửa 974b thì ông Minh không đồng ý vì đây là di sản chia thừa kế.

Trường hợp phân đất mà ông L, ông L1, ông M đang sử dụng ít hơn phần được hưởng theo pháp luật thì yêu cầu hàng thừa kế khác trả giá trị chênh lệch.

Ông M, ông L, ông L, bà M không đồng ý việc bà H yêu cầu được nhận diện tích 165,9m² đất thổ thuộc thửa 301a (ngay vị trí căn nhà bà H đang ở) do phần này cụ H6 đã di chúc cho ông L1.

Ông L1, ông M, ông L, bà M thống nhất kết quả thẩm định, định giá của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Nh3 trình bày:

Năm 2007, cha bà Nh3 là cụ Nguyễn Văn D6 chết, tháng 4/2020 cụ H6 chết không để lại di chúc, nhưng có để lại di sản. Bà Nh3 thống nhất hàng thừa kế thứ nhất của cụ D6, cụ H6 gồm có người con gồm bà Nguyễn Thị Nh3, bà Nguyễn Thị M, bà Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1 và ông Nguyễn Văn M. Ngoài những người con này thì cụ Tô Thị H6 và cụ Nguyễn Văn D6 không còn người con nào, kể cả con riêng.

Bà Nh3 thống nhất khi cụ D6, cụ H6 còn sống thì có tạo lập được các tài sản như sau:

- Thửa 992, tờ bản đồ số 07 (diện tích đo đạc thực tế là 5.737,5m²).

- Thửa 976, tờ bản đồ 07 (diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 3.825m²).

- Căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 301a là tài sản chung của cụ D6 và cụ H6, không đăng ký quyền sở hữu. Đất, nhà tọa lạc tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

Các thửa đất khác có phải là của cụ D6 và cụ H6 hay không thì bà Nh3 không biết.

Đối với thửa đất số 974b, tờ bản đồ số 7, diện tích trong giấy chứng nhận là 10.200m² lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: B232945, sổ vào sổ 00088 do UBND huyện Lấp V cấp ngày 17/10/1992 cho cụ Nguyễn Văn D6 hiện bà H, ông M đang quản lý sử dụng không phải là tài sản chung của cụ D6 và cụ H6.

Nguồn gốc phân đất này có từ năm 1983, nhà nước trang trải ruộng đất, khi đó cụ D6 thừa đất nên bà Nh3 được hưởng diện tích 10.200m². Bà Nh3 sử dụng đất từ năm 1983 đến năm 1997 thì bà Nh3 giao đất lại cho cụ D6 sử dụng.

Bà Nh3 không biết cụ D6 đã giao phần đất trên cho ông M, bà H sử dụng từ khi nào và việc cụ D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 974b, tờ bản đồ số 7 vào năm 1992 bà Nh3 cũng không biết. Nay bà Nh3 yêu cầu ông M, bà H trả lại thửa đất 974b, tờ bản đồ số 7, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 10.200m², đất tọa lạc tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp V.

Bà Nh3 không yêu cầu hưởng thừa kế theo pháp luật đối với các di sản mà cụ D6 và cụ H6 để lại. Bà Nh3 thống nhất với kết quả thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh H3, Nguyễn Thị Mộng Ng là bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Nguyễn Thanh H3 và Nguyễn Thị Mộng Ng là con của bà Nguyễn Thanh H, hiện đang sống cùng hộ với bà H. Trong vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa bà H với ông L, ông L1, ông M, bà M, bà Nh3, thì anh H3 và chị Ngh không có ý kiến và yêu cầu gì đối với các thửa đất đang tranh gồm thửa 301a, 301b, 993b, 992, 975c, 974b cùng căn nhà có trên thửa đất 301a vì đó là

tài sản của cụ D6 và cụ H6. Anh H3 và chị Ng giao cho bà H được toàn quyền quyết định trong vụ án dân sự trên.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 148/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lập Vò đã tuyên xử:

1 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H.

1.1. Xác định di sản thừa kế của cụ Tô Thị H6 và cụ Nguyễn Văn D6 gồm:

- Thừa đất 301a, tờ bản đồ số 7a (diện tích đo đạc thực tế là 603,2m²)
- Thừa 301b, tờ bản đồ 7a + thửa 993b, tờ bản đồ số 7 (diện tích đo đạc thực tế là 1.712m²).

- Thừa 992, tờ bản đồ số 7 (diện tích đo đạc thực tế là 5.737,5m²).

- Thừa 975c (diện tích đo đạc thực tế là 5.203m²)

- Thừa đất 974b, tờ bản đồ số 7, đo đạc thực tế là 9.341,1m²

1.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tô Thị H6 và cụ Nguyễn Văn D6 gồm: Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị Nh3.

1.3. Di chúc ngày 18/3/2018 của cụ Tô Thị H6 là di chúc không hợp pháp.

2. Bà Nguyễn Thanh H được tiếp tục sử dụng, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 165,9m² (100m² đất ở nông thôn, 65,9m² CLN) thuộc một phần thửa 301a, tờ bản đồ 7a (Từ các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, về M2), theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập V và diện tích 3.207,2m² thuộc một phần thửa 974b, tờ bản đồ số 7, từ các mốc M1, M2, M3, M6, M7, về M1 hiện do ông Nguyễn Văn D6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 31/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập V.

2. Ông Nguyễn Văn L1 được chia hưởng, được tiếp tục sử dụng, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 437,3m² thuộc một phần thửa 301a, tờ bản đồ 7a (Trong đó có 200m² đất ở nông thôn và 137,3m² CLN), từ các mốc M1, M2, M9, M8, M7, M6, M5, M4, M10, M11 về M1, hiện do ông Nguyễn Văn D6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 1.712m² (đất CLN) thuộc thửa 301b, tờ bản đồ 7a + thửa 993b, tờ bản đồ số 7, từ các mốc M11, M10, M13, M12, M11, và được chia hưởng, sử dụng, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 992, tờ bản

đồ số 7, diện tích 5.737,5m², từ các mốc M12, M13, M14, M15, M16 về M12 đất trồng lúa, hiện do ông Nguyễn Văn D6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V, đất tọa lạc tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp V, Đồng Tháp,

Buộc ông Nguyễn Văn L1 trả giá trị cho bà Nguyễn Thị M là 292.110.000 đồng, trả giá trị cho bà Nguyễn Thanh H là 63.922.000 đồng.

3. Ông Nguyễn Văn Lc được chia hưởng, được tiếp tục sử dụng, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 5.203m² thuộc thửa 975c, tờ bản đồ số 7, từ các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, đất tọa lạc tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp V, Đồng Tháp, theo Sơ đồ đo đạc ngày 05/8/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V.

Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả giá trị cho bà Nguyễn Thị M 9.283.000 đồng.

4. Ông Nguyễn Văn M được chia hưởng, được tiếp tục sử dụng, đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 6.133,9m² thuộc một phần thửa 974b, tờ bản đồ số 7, từ các mốc M3, M4, M5, M6, về M3 theo Sơ đồ đo đạc ngày 31/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V.

Buộc ông Nguyễn Văn M trả giá trị cho bà Nguyễn Thị M là 79.325.500 đồng.

5. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp thu hồi diện tích 165,9m² (100m² đất ở nông thôn, 65,9m² CLN) thuộc một phần thửa 301a, tờ bản đồ 7a (Từ các mốc M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, về M2), theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V và diện tích 3.207,2m² thuộc một phần thửa 974b, tờ bản đồ số 7, từ các mốc M1, M2, M3, M6, M7, về M1 hiện do ông Nguyễn Văn D6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 31/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp V cấp lại cho bà Nguyễn Thanh H.

6. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp thu hồi diện tích thửa 992, tờ bản đồ số 7, diện tích 5.737,5m², từ các mốc M12, M13, M14, M15, M16 về M12 đất trồng lúa, hiện do ông Nguyễn Văn D6 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất

tranh chấp ngày 17/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò để cấp cho ông Nguyễn Văn L1.

7. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Nh3 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thanh H trả thừa đất 974b, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/01/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2019; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2021; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2019; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/12/2020 và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 05/8/2016, ngày 31/12/2020 và ngày 17/6/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Buộc hộ ông Nguyễn Văn L1 (gồm ông Nguyễn Văn L1, bà Bùi Thị H4, Nguyễn Thị Cẩm Th, Nguyễn Thị Diễm A) tháo dỡ, di dời 01 mái che ngang 2,04m, dài 9m, khung gỗ, mái tol, nền gạch tàu trên phần diện tích tranh chấp mà bà H được chia hưởng.

9. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá: Tổng cộng là 15.422.000 đồng. Bà H, ông L, ông L1, ông M, bà M mỗi người phải chịu 1/5 chi phí thẩm định, định giá nêu trên số tiền là 3.084.400 đồng. Trong đó bà H đã nộp là 10.174.000 đồng, ông M đã nộp là 4.848.000 đồng, ông L1 đã nộp là 400.000 đồng. Nên buộc ông L nộp 3.084.400 đồng, bà M nộp 3.084.400 đồng, ông L1 nộp thêm 2.684.400 đồng để trả lại cho bà H 7.089.600 đồng và trả lại cho ông M 1.763.600 đồng.

10. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Nh3 được miễn tiền án phí do là người cao tuổi. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Nh3 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo Biên lai số BN/2013/16685 ngày 06/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

Bà Nguyễn Thanh H phải nộp 15.435.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà H phải nộp là 1.393.000 đồng

theo Biên lai số BN/2013/11426 ngày 06/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp V và 2.362.000 đồng theo Biên lai số BM/2012/029893 ngày 21/01/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp V. Bà Nguyễn Thanh Hồng phải nộp thêm 11.680.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn L1 phải nộp 15.435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn L phải nộp 15.435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn M phải nộp 15.435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M phải nộp 15.435.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10 tháng 5 năm 2022 ông Nguyễn Văn L1 là bị đơn và Nguyễn Thị Nh3 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Nguyễn Văn L1 kháng cáo yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm số: 30/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp. Công nhận di chúc ngày 18/3/2008 của cụ Tô Thị H6 là di chúc hợp pháp và yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc, phần di sản còn lại của cụ D6 và cụ H6 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Nh3 kháng cáo yêu cầu xác định thửa đất số 974b, tờ bản đồ số 7, tại xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp là tài sản riêng của bà Nh3 không phải di sản của cụ D6 và cụ H6. Bà Nh3 yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 974b, tờ bản đồ số 7.

Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là hủy bản án sơ thẩm do không thu thập đầy đủ chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất và tranh chấp về chia thừa kế quyền sử dụng đất là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 06/6/2017 bà Nh3 có đơn khởi kiện yêu cầu ông M, bà H trả lại thửa đất số 974b, Tòa án cấp sơ thẩm thông báo cho bà Nh3 nộp tiền tạm ứng án phí, bà Nh3 có nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu của bà Nh3, **bản án sơ thẩm lại xem xét giải quyết không chấp yêu cầu của bà Nh3 là vi phạm thủ tục tố tụng.**

* Về nội dung:

[2] Cụ Nguyễn Văn D6 và cụ Tô Thị H6 chung sống với nhau có 09 người con gồm: Nguyễn Văn B (chết 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị Nh3, Nguyễn Văn S (chết 1973, không có vợ con), Nguyễn Thị M, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn L1, Nguyễn Văn M và 01 người chết lúc nhỏ, hiện còn 06 người. Cụ D6 chết 2007, không để lại di chúc. Cụ H6 chết năm 2020 có để lại di chúc ngày 18/3/2008.

[3] Tài sản của cụ D6 và cụ H6 chết để lại gồm:

- Thửa đất 301a, diện tích đo đạc thực tế 603,2m², hiện do ông L1 và bà H quản lý.
- Thửa đất 301b, 993b đo đạc thực tế 1.712m² do ông L1 đang quản lý.
- Thửa đất số 992, diện tích đo đạc thực tế 5.737,5m², do ông L1 quản lý.
- Thửa đất 975c, diện tích đo đạc thực tế 5.203m², ông L đang quản lý.
- Thửa đất 974b, diện tích đo đạc thực tế 9.341,1m², hiện ông L1 và bà H quản lý.
- 01 căn nhà do ông L1 đang quản lý.

[4] Bà H, ông L1, ông L, ông M, bà M xác định 06 thửa đất số 301a, 301b, 992, 993b, 974b, 975c là di sản của cụ D6 và cụ H6.

[5] Bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho 06 người con.

[6] Ông L1 yêu cầu được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ H6 cụ thể: Được hưởng 01 căn nhà, 1.500m² đất cây lâu năm, 300m² đất thổ và 6.000m² đất ruộng.

[7] Ông L, ông M và bà M yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất ngoài diện tích ông L1 được hưởng theo di chúc.

[8] Bà Nh3 xác định di sản của cụ D6 và cụ H6 gồm: Thửa đất 301a, 301b, 993b, 992, 975c là di sản thừa kế, còn thửa đất 974b không phải là di sản

thừa kế. Bà Nh3 cho rằng thửa 974b, khoảng năm 1983 thực hiện chủ trương trang trải ruộng đất, do đất của cụ D6 thừa định suất, nên Tập đoàn lấy đất của cụ D6 giao cho hộ bà Nh3 sử dụng, gia đình bà Nh3 quản lý sử dụng từ năm 1983 đến 1997, bà Nh3 giao lại cho cụ D6 mượn sử dụng, khi Tập đoàn lấy đất của cụ D6 giao cho gia đình bà Nh3 sử dụng không có giấy tờ, nhưng có ông Lê Văn S, ông Huỳnh Văn Tr và ông Nguyễn Văn Gi biết. Bà Nh3 yêu cầu bà H, ông M giao trả lại phần đất tại thửa đất số 974b.

[9] Theo báo cáo số 05/BC-TTr ngày 08/11/1993 của Thanh tra huyện Thanh Hưng (nay là huyện Lấp V) xác định: Hộ bà Nguyễn Thị Nh3, năm trang trải Tập đoàn cắt phần đất của ông D6 cấp cho bà Nh3 diện tích 5,5 công, nhưng bà Nh3 không làm cho em ruột của bà Nh3 tên Nguyễn Văn M canh tác.

[10] Ngày 07/7/2021, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp có văn bản số 921/VPUBND-TCD-NC thông báo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành có liên quan tiếp xúc, kiểm tra, rà soát tham mưu cho Ủy ban nhân dân Tỉnh giải quyết các nội dung khiếu nại của bà Nh3. Ngày 31/12/2021 Sở Tài nguyên và môi trường Tỉnh có Văn bản số 4820/STNMT-CCQLĐĐ báo cáo Ủy ban nhân dân Tỉnh và đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh có văn bản trả lời đơn cho bà Nh3 theo hướng chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp V.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, vào thời điểm năm 1983 Tập đoàn có lấy đất của cụ D6 cấp cho gia đình bà Nh3 hay không; vị trí phần đất cấp cho bà Nh3 có phải thửa 974b hay không; thực tế bà Nh3 có quản lý sử dụng thửa 974b từ năm 1983-1997 hay không; không làm việc với ông Lê Văn S, ông Huỳnh Văn Tr và ông Nguyễn Văn Gi là người biết việc cấp đất; không thu thập các tài liệu tại cơ quan Thanh tra huyện Lấp V, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Lấp V, để xác định thửa 974b có phải là di sản thừa kế hay không mới có đủ căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án cấp phúc không thể thu thập bổ sung, vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự.

[11] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những thiếu sót trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần phải hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lấp V và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lấp V xét xử sơ thẩm theo quy định.

Do bản án sơ thẩm bị hủy, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của của ông L1, bà Nh3. Ông L1, bà Nh3 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 148; khoản 3, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hủy bản án sơ thẩm số 30/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Lấp V.

Giao hồ sơ vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất cho Tòa án nhân dân huyện Lấp V xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn L1, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông L1 không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông L1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng theo biên lai 0008840 ngày 17/5/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp V.

- Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, chi phí định giá sẽ được xem xét lại, khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp V;
- CCTHADS huyện Lấp V;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án (T).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tạng

